

MỤC LỤC - CONTENTS

	Trang Page
Lời nói đầu	3
Tổng quan kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2021	7
Đơn vị hành chính, đất đai và khí hậu <i>Administrative unit, land and climate</i>	19
Dân số và lao động <i>Population and labour</i>	41
Tài khoản quốc gia, ngân sách Nhà nước và bảo hiểm <i>National accounts, State budget and insurance</i>	89
Đầu tư và xây dựng <i>Investment and construction</i>	125
Doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể <i>Enterprise, cooperative and individual business establishment</i>	159
Nông, lâm nghiệp và thủy sản <i>Agriculture, forestry and fishing</i>	271
Công nghiệp <i>Industry</i>	357
Thương mại và du lịch <i>Trade and tourism</i>	411
Chỉ số giá <i>Price index</i>	435
Vận tải, bưu chính và viễn thông <i>Transport, postal services and tele-communications</i>	459
Giáo dục và đào tạo <i>Education and training</i>	483
Y tế và thể thao <i>Health and sport</i>	529
Mức sống dân cư, trật tự, an toàn xã hội, tư pháp và môi trường <i>Living standards, social order, safety, justice and environment</i>	559

TỔNG QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2021

Kinh tế - xã hội năm 2021 của cả nước nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng diễn ra trong bối cảnh sự bùng phát trở lại và kéo dài với biến chủng mới nâng cấp nguy hại của đại dịch Covid-19. Trước những khó khăn, thách thức mới chưa từng có, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chính sách kịp thời để chỉ đạo phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh, thực hiện mục tiêu kép “đẩy lùi bệnh dịch và phát triển kinh tế”, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh.

Trong bối cảnh đó, với sự quyết liệt, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành của cấp ủy và chính quyền các cấp tỉnh Thái Nguyên; sự chung sức, đồng lòng của người dân và cộng đồng doanh nghiệp trong việc thực hiện có hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội nên mặc dù khó khăn nhưng tỉnh Thái Nguyên đã đạt được kết quả tích cực trong thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021. Đây chính là cơ sở, nền tảng quan trọng để kinh tế của tỉnh năm 2022 sẽ được phục hồi trong bối cảnh bình thường mới, tạo tiền đề quan trọng để thực hiện các mục tiêu kế hoạch 5 năm (2021-2025).

1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2021 tăng 6,51% so với năm 2020; trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,24%, đóng góp 0,42 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,2%, đóng góp 4,61 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm tăng 5,69%, đóng góp 1,48 điểm phần trăm vào tốc độ tăng trưởng chung. Với kết quả như trên, tỉnh Thái Nguyên xếp thứ 4/14 các tỉnh Trung du, miền núi phía Bắc; 7/10 các tỉnh vùng thủ đô và 17/63 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2021 và cao hơn nhiều mức tăng 2,58% của cả nước.

Quy mô GRDP năm 2021 theo giá hiện hành đạt 125,8 nghìn tỷ đồng; về cơ cấu kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ

trọng 10,8%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 58,7%; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm chiếm 30,5%; trong đó, riêng thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,9%.

Năm 2021, GRDP bình quân đầu người đạt 95,1 triệu đồng/người/năm, nếu tính theo giá Đô la Mỹ, đạt 4.124 USD/người/năm (*tăng 315 USD so với năm 2020*).

2. Thu, chi ngân sách Nhà nước và bảo hiểm

*** Thu, chi ngân sách Nhà nước**

Năm 2021, tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn sơ bộ đạt 17,9 nghìn tỷ đồng, tăng 14,7% so năm 2020. Thu trong cân đối trên địa bàn đạt gần 17,8 nghìn tỷ đồng, tăng 14,6% so cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa đạt 15,4 nghìn tỷ đồng, tăng 17,4% và chiếm gần 86% tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu hải quan đạt gần 2,4 nghìn tỷ đồng, giảm 0,1% so với cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách trên địa bàn sơ bộ năm 2021 đạt 20,7 nghìn tỷ đồng, giảm 5,8% so với năm 2020. Chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 sơ bộ đạt 14,9 nghìn tỷ đồng, tăng 8,1% so năm 2020. Trong đó, chi đầu tư phát triển đạt 5,9 nghìn tỷ đồng (*chiếm 28,6% tổng chi ngân sách trên địa bàn*), tăng 25,4%; chi thường xuyên đạt xấp xỉ 9 nghìn tỷ đồng (*chiếm gần 29% tổng chi ngân sách trên địa bàn*), giảm 0,9% so năm 2020, chiếm 43,5% cơ cấu chi. Chi chương trình mục tiêu quốc gia đạt trên 1,2 nghìn tỷ đồng, giảm 7,6% so năm 2020.

*** Bảo hiểm**

Năm 2021 toàn tỉnh có 1.662,2 nghìn lượt người tham gia các loại bảo hiểm, tăng 0,1% so năm 2020. Trong đó, bảo hiểm xã hội có 242,3 nghìn lượt người tham gia, tăng 2,4%; bảo hiểm y tế có 1.214,5 nghìn lượt người tham gia, giảm 0,1%; bảo hiểm thất nghiệp có 205,3 nghìn lượt người tham gia, giảm 1,5% so năm 2020.

Tổng số lượt người được hưởng bảo hiểm năm 2021 là 2,1 nghìn lượt, tăng 0,6% so năm 2020. Trong đó, số lượt người hưởng bảo hiểm y tế năm 2021 là 1.523,1 nghìn lượt người, bằng 1,25 lần so với số người

tham gia bảo hiểm y tế. Số lượt người hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp một lần, học nghề, tìm việc trong năm 2021 là 369 lượt, tăng 109,7% so năm 2020 và bằng gần 1,8 lần số lượt người tham gia bảo hiểm.

Tổng thu bảo hiểm năm 2021 đạt 5.675,9 tỷ đồng; trong đó, thu bảo hiểm xã hội đạt 3.814,9 tỷ đồng, tăng 1,1%; bảo hiểm y tế đạt 1.614,1 tỷ đồng, tăng 2,8%; bảo hiểm thất nghiệp đạt 246,9 tỷ đồng, giảm 11,3% so năm 2020. Tổng chi bảo hiểm năm 2021 đạt 7.547,4 tỷ đồng, tăng 32,9% so tổng thu bảo hiểm; trong đó, tổng chi bảo hiểm xã hội đạt 5.563,7 tỷ đồng, tăng 45,8% so với thu bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế đạt 1.338,6 tỷ đồng, giảm 7,8% so với cùng kỳ và chi bảo hiểm thất nghiệp đạt 645,1 tỷ đồng, gấp 5,3 lần chi bảo hiểm thất nghiệp năm 2020.

3. Đầu tư

- **Vốn đầu tư trên địa bàn:** Năm 2021, các dự án đầu tư nước ngoài có quy mô lớn trên địa bàn đã cơ bản hoàn thiện và đi vào sản xuất nên vốn đầu tư của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 8,5%, vốn đầu tư của khu vực ngoài Nhà nước tăng mạnh (12,3%) và vốn của khu vực Nhà nước tăng 11,0% so cùng kỳ nên tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh năm 2021 tăng 8,5% so với năm 2020.

Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn năm 2021 theo giá hiện hành đạt trên 52 nghìn tỷ đồng, tăng 8,5% so với năm 2020, bằng 41,4% GRDP; bao gồm: vốn đầu tư của khu vực kinh tế trong nước ước đạt 33,6 nghìn tỷ đồng (*chiếm 64,6% tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn*), tăng 12,7% so với cùng kỳ (*chia ra: vốn khu vực Nhà nước 8,4 nghìn tỷ đồng, tăng 11%; khu vực ngoài Nhà nước gần 25,2 nghìn tỷ đồng, tăng 13,2%*); còn lại, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 18,4 nghìn tỷ đồng (*chiếm 35,4% tổng vốn đầu tư trên địa bàn*), tăng 8,3% so với cùng kỳ.

- **Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài:** Năm 2021, trên địa bàn có 15 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 111,34 triệu USD, giảm 5 dự án và giảm 254,67 triệu USD về vốn đăng ký so với năm 2020. Tính đến hết năm 2021, tổng số dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp phép và còn hiệu lực là 168 dự án với số vốn đăng ký đạt 8.748,8 triệu USD và vốn thực hiện lũy kế đạt 7.374,71 triệu USD.

- **Xây dựng:** Giá trị sản xuất ngành xây dựng năm 2021 (theo giá so sánh năm 2010) trên địa bàn đạt trên 16 nghìn tỷ đồng, tăng 4,1% so năm 2020; trong đó, đơn vị xây dựng có vốn trong nước thực hiện 15,2 nghìn tỷ đồng (chiếm 65% tổng giá trị sản xuất xây dựng trên địa bàn), tăng 10,4% so với cùng kỳ, còn lại là các đơn vị xây dựng có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện, giảm 49,7% so với cùng kỳ.

4. Chỉ số giá

Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đã tác động đến tâm lý người tiêu dùng cũng như nhu cầu sử dụng một số loại hàng hóa, dịch vụ, ảnh hưởng đến chỉ số giá tiêu dùng chung; đồng thời CPI trong năm 2021 cũng chịu tác động của các yếu tố như: Nhà nước điều chỉnh tăng giá xăng dầu, giá gas theo giá nhiên liệu thế giới; giá điện sinh hoạt tăng do thời tiết nắng nóng nên nhu cầu sử dụng điện tăng cao; giá học phí năm học 2020-2021 tăng theo lộ trình của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, giá một số mặt hàng lương thực, thực phẩm có xu hướng giảm (đặc biệt là giá thịt lợn - nhóm hàng có quyền số lớn trong “rổ hàng hóa”). Do vậy, tính bình quân năm 2021, CPI chỉ tăng 1% so với cùng kỳ. Đây là tốc độ tăng thấp nhất trong vòng 5 năm trở lại đây (năm 2016 tăng 4,37%; năm 2017 tăng 2,33%; năm 2018 tăng 3,16%; năm 2019 tăng 2,68% và năm 2020 tăng 4,05%).

Trong đó, tăng cao nhất là nhóm giao thông, tăng 9,85% (do giá xăng, dầu trong nước tăng theo giá xăng, dầu thế giới nên chỉ số giá nhóm nhiên liệu tăng 30,45%); nhóm giáo dục tăng 3,91% (giá dịch vụ giáo dục tăng 4,35%, do giá học phí một số trường chuyên nghiệp tăng theo lộ trình); nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,38% (do nhóm đồ uống có cồn tăng 11,71%); nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 2,55%; nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 1,02%; nhóm đồ dùng và dịch vụ khác tăng 1,01%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,36%. Còn lại 4/11 nhóm có chỉ số giá bình quân giảm so với cùng kỳ là: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 2,22% (do nhóm thịt gia súc giảm 12,81%; nhóm rau tươi, khô và chế biến giảm 5,02%; nhóm thịt chế biến giảm 3,43%; nhóm thịt gia cầm giảm 1,32%); nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,33%; nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,43%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,67%.

Chỉ số giá vàng: Bình quân năm 2021 tăng 6,46% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá Đô la Mỹ: Bình quân năm 2021 giảm 1,21% so với cùng kỳ.

5. Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp

Theo kết quả Điều tra doanh nghiệp năm 2021, tổng số doanh nghiệp, hợp tác xã trên toàn tỉnh tại thời điểm 01/01/2021 là 4.031 doanh nghiệp, hợp tác xã thực tế đang hoạt động, tăng 260 doanh nghiệp, hợp tác xã (+6,9%) so với cùng thời điểm năm 2020.

Tổng số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp và hợp tác xã tính đến thời điểm 01/01/2021 là 189,4 nghìn người, giảm 15,8 nghìn người (-7,7%) so với năm 2020 (*riêng số lao động nữ là 106,8 nghìn người, giảm 11,5% so với cùng kỳ*); trong đó, số lao động thuộc khu vực kinh tế trong nước là 91,9 nghìn người, giảm 8,3% và lao động khu vực FDI là 97,5 nghìn người, giảm 7,1% so cùng kỳ. Số lao động bình quân trong 1 doanh nghiệp là 47 người, giảm 7 người/1 doanh nghiệp so với năm 2020. Theo quy mô lao động, số doanh nghiệp có dưới 50 lao động chiếm 92,3% tổng số doanh nghiệp; số doanh nghiệp có từ 500 lao động trở lên chỉ chiếm 0,9% tổng số doanh nghiệp.

Quy mô nguồn vốn hoạt động của các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh tính đến thời điểm 01/01/2021 là 567,7 nghìn tỷ đồng, tăng 14,1% so với năm trước. Xét theo tỷ trọng quy mô nguồn vốn, chiếm tỷ trọng lớn nhất là vốn của các doanh nghiệp thuộc khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, chiếm 67,6%; tiếp đến là vốn của doanh nghiệp ngoài Nhà nước chiếm 28,7% và vốn của doanh nghiệp Nhà nước chiếm tỷ trọng thấp nhất là 3,7%. Quy mô nguồn vốn bình quân/1 doanh nghiệp là 140,8 tỷ đồng, tăng 13,3% so với cùng kỳ; trong đó, doanh nghiệp trong nước là 46,9 tỷ đồng/doanh nghiệp, doanh nghiệp FDI là 3.487,4 tỷ đồng/doanh nghiệp. Xét theo quy mô nguồn vốn, số doanh nghiệp có vốn dưới 10 tỷ đồng chiếm 63,3% tổng số doanh nghiệp; số doanh nghiệp có số vốn từ 50 tỷ đồng trở lên chiếm 11,1% tổng số doanh nghiệp.

Thu nhập bình quân 1 lao động/1 tháng trong năm 2020 là 9,3 triệu đồng; trong đó, thu nhập bình quân/1 lao động của doanh nghiệp Nhà nước là 11,3 triệu đồng/người/tháng, của doanh nghiệp ngoài Nhà nước là 7,8 triệu

đồng/người/tháng và của doanh nghiệp FDI là 10,2 triệu đồng/người/tháng. So với năm 2019, thu thập bình quân 1 lao động/tháng của năm 2021 thấp hơn 124 nghìn đồng (*khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 1.404 nghìn đồng/người/tháng, doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 472 nghìn đồng/người/tháng và khu vực FDI giảm 754 nghìn đồng/người/tháng*).

Năm 2021, toàn tỉnh có 69,1 nghìn cơ sở kinh tế cá thể phi nông nghiệp với 102,3 nghìn người tham gia lao động, giảm 2,9% về số cơ sở và giảm 4,8% về số lao động so với năm 2020 (*do ảnh hưởng của dịch Covid-19*).

6. Kết quả sản xuất kinh doanh một số ngành, lĩnh vực

- Nông, lâm nghiệp và thủy sản:

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2021 (*theo giá so sánh 2010*) đạt 14.660,4 tỷ đồng, tăng 4,27% so với năm 2020. Trong đó, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 13.532,5 tỷ đồng (+3,96%); ngành lâm nghiệp đạt 607,7 tỷ đồng (+8,63%); ngành thủy sản đạt 520,2 tỷ đồng (+7,53%). Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 94,33% (trong đó, ngành trồng trọt chiếm 44,22%; ngành chăn nuôi chiếm 44,27%), tiếp đến là ngành lâm nghiệp chiếm 4,15%, còn lại là ngành thủy sản.

Tổng sản lượng lương thực có hạt cả năm 2021 đạt 461,8 nghìn tấn, tăng 1,64 nghìn tấn (+0,4%) so với năm 2020; trong đó, sản lượng lúa đạt 384,6 nghìn tấn, tăng 1,18 nghìn tấn (+0,3%) và sản lượng ngô đạt 77,2 nghìn tấn, tăng 460 tấn (+0,6%) so với năm 2020.

Tổng diện tích chè hiện có tính đến cuối năm 2021 là 22.445 ha, tăng 0,2% (+46 ha) so cùng kỳ; trong đó, diện tích chè cho sản phẩm là 20.564 ha, tăng 4,1% (+810 ha). Năng suất chè bình quân chung đạt 121,93 tạ/ha (*giảm 1,81 tạ/ha so với bình quân năm 2020*), sản lượng chè búp tươi đạt 250,7 nghìn tấn, tăng 6,3 nghìn tấn (+2,6%) so với năm 2020.

Trong năm 2021, tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn như: Một số loại dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm xảy ra trên đàn gia súc, gia cầm (*bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò; Lở mồm long móng*

gia súc; Cúm gia cầm; Dịch tả lợn châu Phi, Tai xanh); giá thức ăn chăn nuôi tăng; giá con giống vẫn ở mức cao; giá sản phẩm và sản lượng tiêu thụ giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhiều địa phương phải áp dụng giãn cách, hoạt động của các nhà hàng, dịch vụ ăn uống... bị hạn chế đã ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất chăn nuôi. Tuy nhiên, do thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh nên cơ bản hoạt động chăn nuôi vẫn được duy trì, tổng đàn gia súc, gia cầm tái đàn phát triển tương đối ổn định. Theo kết quả điều tra chăn nuôi, tại thời điểm 01/01/2021, số lượng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh như sau: Đàn trâu đạt trên 45 nghìn con, tăng 1,3% cùng kỳ; đàn bò 51,3 nghìn con, tăng 10,8%; đàn lợn 455,8 nghìn con, giảm 23% (tương ứng giảm gần 136 nghìn con); đàn gia cầm 14,4 triệu con, giảm 4,1% (tương ứng giảm 610,6 nghìn con) so với thời điểm 01/01/2020.

Về sản lượng thịt hơi xuất chuồng: Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2021 đạt 198,5 nghìn tấn, tăng 34,4% so với năm 2020; trong đó, thịt lợn hơi là trên 95 nghìn tấn, tăng 12,7%; gia cầm gần 92 nghìn tấn, tăng 76,4% (riêng sản lượng gà 81,7 nghìn tấn, tăng 33,4 nghìn tấn, tương ứng tăng 69,2% so với năm 2020).

Tổng diện tích rừng trồng mới tập trung trên địa bàn năm 2021 là 4.471 ha, giảm 250 ha (-5,3%) so với diện tích rừng trồng mới năm 2020 (bao gồm 4.283 ha rừng sản xuất; 188 ha rừng phòng hộ). Trong đó, diện tích rừng trồng mới theo dự án bảo vệ và phát triển rừng đạt 1.095 ha (chiếm 24,5%). Sản lượng gỗ khai thác đạt 240 nghìn m³ gỗ tròn các loại, tăng 24,8% so với năm 2020.

Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2021 là 6.059 ha, tăng 92 ha so với năm 2020 và chủ yếu là nuôi quảng canh, chiếm 75,2%, nuôi theo hình thức bán thâm canh chiếm 23,5%, còn lại là nuôi theo hình thức thâm canh.

Tổng sản lượng thủy sản đạt hơn 15,8 nghìn tấn, tăng 6,3%; trong đó, chủ yếu là nuôi trồng; sản lượng tôm 103 tấn, tăng 12% so cùng kỳ; sản lượng thủy sản khác 336 tấn (chiếm 2,1% tổng sản lượng); sản lượng cá 15,4 nghìn tấn (chiếm 97,2%).

- Công nghiệp:

Do ảnh hưởng nặng nề của làn sóng dịch Covid-19 lần thứ tư, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh nói riêng và cả nước nói chung gặp nhiều khó khăn. Hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn trong chuỗi giá trị toàn cầu, đóng góp lớn cho thu ngân sách của tỉnh bị giảm sút, thị trường tiêu thụ sản phẩm bị thu hẹp. Tuy nhiên, với quyết tâm cao trong việc thực hiện “mục tiêu kép” nên các doanh nghiệp đã chủ động áp dụng linh hoạt các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế để duy trì và phát triển sản xuất. Hơn nữa, từ tháng 10/2021, các biện pháp giãn cách xã hội được nói lỏng góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước được khôi phục và phát triển trong trạng thái bình thường mới nên sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh ước tính cả năm 2021 cơ bản duy trì được đà tăng trưởng.

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp năm 2021 tăng 7,7% so với cùng kỳ. Trong đó, tăng cao nhất là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8% (*nhóm sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 29%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 22,8%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 17,4%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 13,2%...*); ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,7%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 0,7%; ngành khai khoáng giảm 8,2%.

- Thương mại:

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng: Trong năm 2021, hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn cũng gặp nhiều khó khăn do dịch Covid-19. Hoạt động bán lẻ trên địa bàn bị tác động do tâm lý lo ngại về dịch bệnh, xu hướng tiêu dùng của người dân vẫn là ưu tiên mua sắm các mặt hàng thiết yếu và hạn chế các nhóm hàng hóa, dịch vụ chưa thực sự cần thiết. Hoạt động ăn uống, du lịch, lễ hành bị ảnh hưởng nặng nề và chưa thể phục hồi ngay. Tuy nhiên, trong khó khăn, nhiều doanh nghiệp, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, các hộ kinh doanh... đã linh hoạt, tích cực tìm các giải pháp phù hợp để duy trì và từng bước ổn định hoạt động kinh doanh; chủ động đón đầu xu hướng phục hồi của thị trường trong những tháng cuối năm để khai thác, đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm dịch vụ. Do vậy, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh

thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn năm 2021 vẫn đạt được mức tăng trưởng khá so với năm 2020.

Sơ bộ cả năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 44,5 nghìn tỷ đồng, tăng 10,9% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế Nhà nước đạt gần 2,2 nghìn tỷ đồng, tăng 7,3%; khu vực kinh tế ngoài Nhà nước đạt 42,3 nghìn tỷ đồng (*chiếm tỷ trọng 94,9% tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng*), tăng 11,2% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 73 tỷ đồng, giảm 16,7% so với cùng kỳ.

Xuất, nhập khẩu: Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu trên toàn cầu, hạn chế cả ở phía cung và phía cầu. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu đã có những giải pháp duy trì, thúc đẩy sản xuất và tìm kiếm thị trường nên hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hoá của tỉnh trong năm 2021 vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, đặc biệt là trong những tháng cuối năm.

Tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu năm 2021 đạt trên 29 tỷ USD, tăng 18,9% so với năm 2020; trong đó, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 28,5 tỷ USD (*chiếm 97,9% tổng giá trị xuất khẩu*), tăng 19%; xuất khẩu địa phương là 585,8 triệu USD, tăng 15,6% so với 2020.

Tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn năm 2021 đạt gần 17,8 tỷ USD, tăng 22,7% so với năm 2020. Trong đó, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu gần 17 tỷ USD (*chiếm tỷ trọng 95,6% tổng giá trị nhập khẩu*), tăng 19,6%; nhập khẩu địa phương là 306,5 triệu USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ.

Du lịch: Hoạt động du lịch năm 2021 bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19, theo đó, số khách do các cơ sở lưu trú phục vụ đạt 916,6 nghìn lượt người, giảm 8,9% so với năm 2020. Số khách do các cơ sở lữ hành phục vụ đạt 4,2 nghìn lượt người, bằng 63% năm 2020.

Vận tải: Mặc dù cũng là ngành bị ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19, đặc biệt là trong khoảng thời gian nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước áp dụng Chỉ thị 16 để phòng chống dịch bệnh. Tuy nhiên, khi các biện pháp giãn cách xã hội được nới lỏng thì hoạt động Vận tải, kho bãi trên địa bàn tỉnh có dấu hiệu phục hồi khá và đạt tăng trưởng so với cùng kỳ.

Tổng doanh thu vận tải, kho bãi trên địa bàn năm 2021 đạt 5.087,6 tỷ đồng, tăng 10,8% so với năm 2020; trong đó, doanh thu vận tải hàng hóa (*chiếm tỷ trọng 75,5%*) đạt 3.840,1 tỷ đồng, tăng 11,6%; doanh thu vận tải hành khách đạt 777,1 tỷ đồng, tăng 6,7%; doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 470,4 tỷ đồng, tăng 11,1%.

Số lượt hành khách vận chuyển đạt 18,41 triệu lượt hành khách, tăng 8,1% so với cùng kỳ; luân chuyển đạt 995,6 triệu lượt hành khách.km tăng 2,7% so với cùng kỳ. Khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 44,74 triệu tấn với khối lượng luân chuyển là 1.897,7 triệu tấn.km, tăng 7,7% về khối lượng vận chuyển và tăng 8,5% về khối lượng luân chuyển so với năm 2020.

7. Một số vấn đề xã hội

- Dân số, lao động và việc làm:

Dân số trung bình tỉnh Thái Nguyên năm 2021 là trên 1.323 nghìn người; tăng 15,3 nghìn người (+1,01%) so với năm 2020. Dân số nam là 646,2 nghìn người, chiếm 48,8%; dân số nữ là 676,9 nghìn người, chiếm 51,2%.

Tổng tỷ suất sinh năm 2021 đạt 2,12 con/phụ nữ, tiếp tục duy trì ở mức sinh thay thế. Tỷ suất sinh thô là 14,74‰; tỷ suất chết thô là 5,24‰. Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi là 13,69‰; tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi là 20,53‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 9,50‰. Tuổi thọ trung bình của dân số toàn tỉnh là 73,7 năm; trong đó, nam là 71,1 năm và nữ là 76,4 năm.

Năm 2021, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh đạt 599 nghìn người, giảm 171 nghìn người so với năm 2020 (*do số liệu năm 2021 được tổng hợp và công bố theo khung khái niệm mới (ILCS19) thay thế cho khung khái niệm cũ (ILCS13), theo đó, lực lượng lao động sẽ không bao gồm những lao động tự sản, tự tiêu trong nông nghiệp*). Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2021 đạt 590,1 nghìn người; trong đó, lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 117,7 nghìn người, chiếm 20%; khu vực công nghiệp và xây dựng 256,3 nghìn người, chiếm 43,4%; khu vực dịch vụ 216,2 nghìn người, chiếm 36,6%.

Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2021 là 1,57%; trong đó, khu vực thành thị là 3,21%, khu vực nông thôn là 0,81%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2021 là 3,32%; trong đó, khu vực thành thị là 2,22% và khu vực nông thôn là 3,82%. So với năm 2020, tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2021 thấp hơn 0,13 điểm phần trăm, tỷ lệ thiếu việc làm cao hơn 1,02 điểm phần trăm.

- Đời sống dân cư:

Nhìn chung, trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hưởng lương có cuộc sống ổn định. Những người làm công ăn lương, lao động làm thuê trong các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất thuộc ngành nông, lâm nghiệp có thu nhập và đời sống giảm nhẹ. Đối với người làm công ăn lương, lao động làm thuê trong các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất phi nông, lâm nghiệp, nhất là khu vực thành thị, nhìn chung đều bị ảnh hưởng lớn của dịch bệnh Covid-19, dẫn đến tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm, công việc không ổn định, thu nhập và đời sống đã giảm sút.

Hộ nghèo và hộ cận nghèo: Tính đến hết năm 2021, hộ nghèo toàn tỉnh còn 7.295 hộ, chiếm tỷ lệ 2,16%. Hộ cận nghèo toàn tỉnh còn 14.447 hộ, chiếm tỷ lệ 4,28%. Theo chuẩn nghèo đa chiều, tỷ lệ hộ nghèo năm 2021 là 2,16% và tỷ lệ hộ cận nghèo là 4,28%.

Trong năm 2021, trên địa bàn tỉnh xảy ra 20 đợt thiên tai, làm 06 người bị thương (*trong đó, thị xã Phổ Yên: 05 người, huyện Đông Hy: 01 người*), giảm 08 người so với năm 2020. Thiên tai gây hư hại 247 ngôi nhà, trên 209 ha lúa, trên 113 ha hoa màu, trên 1,3 nghìn con gia súc, gia cầm và nhiều tài sản có giá trị khác. Tổng thiệt hại về tài sản do thiên tai ước tính khoảng 21 tỷ đồng, giảm 67,4% (*trương ứng giảm gần 44 tỷ đồng*) so với thiệt hại do thiên tai năm 2020. Các ngành chức năng đã huy động lực lượng địa phương tại chỗ, phương tiện giúp nhân dân khắc phục thiệt hại, vệ sinh môi trường, đảm bảo ổn định đời sống của nhân dân.

- Trật tự và an toàn xã hội:

Năm 2021, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 152 vụ tai nạn giao thông, làm chết 51 người và 127 người bị thương. So với năm 2020, giảm 13 vụ (-7,88%), số người bị chết giảm 9 người (-15%) và số người bị thương giảm 24 người (15,9%). Trong đó, địa bàn xảy ra nhiều vụ tai nạn nhất là thành phố Thái Nguyên với 62 vụ (*chiếm 40,8% tổng số*), làm 13 người chết (*chiếm 25,5%*) và 49 người bị thương (*chiếm 38,6%*). Tình hình an toàn giao thông đường sắt, đường thủy ổn định, không xảy ra tai nạn giao thông.

Năm 2021, các ngành chức năng của tỉnh đã tiến hành kiểm tra phòng cháy, chữa cháy tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh; qua kiểm tra đã nhắc nhở những thiếu sót trong phòng cháy, chữa cháy và lập biên bản xử lý các trường hợp vi phạm nhằm hạn chế các vụ cháy, nổ xảy ra. Tính từ ngày 16/12/2020 đến ngày 15/12/2021, trên địa bàn tỉnh xảy ra 62 vụ cháy, nổ, làm 01 người chết và 8 người bị thương. Ước tính giá trị tài sản thiệt hại trên 7 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2020 giảm 14 vụ, tăng 01 người chết, tăng 05 người bị thương, về giá trị tài sản bị thiệt hại giảm 61,7 tỷ đồng.

Khái quát lại, năm 2021, đại dịch Covid-19 đã tác động đến mọi mặt đời sống, kinh tế, xã hội, làm gián đoạn hoạt động sản xuất, kinh doanh, du lịch, dịch vụ..., song dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự linh hoạt, quyết liệt của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và người dân, nhìn chung tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực, kinh tế tăng trưởng với tốc độ khá, lạm phát được kiểm soát; đời sống nhân dân cơ bản ổn định và từng bước được cải thiện; sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế tiếp tục được quan tâm và thu được những thành tựu mới. Mặc dù còn có chỉ tiêu không đạt kế hoạch đề ra nhưng đây có thể xem là kết quả tích cực, tạo tiền đề quan trọng cho năm 2022 và những năm tiếp theo, góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đã đề ra./.

TỐC ĐỘ TĂNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU SO VỚI NĂM TRƯỚC

Growth rate of some main indicators compared to the previous year (%)

		2020	2021
Tổng sản phẩm trong tỉnh <i>Gross regional domestic product</i>	 GRDP	▲ 4,24	▲ 6,51
Thu ngân sách trên địa bàn <i>Balance of state budget revenue</i>		▲ 0,1	▲ 14,7
Chi trong cân đối ngân sách địa phương <i>State budget expenditure</i>		▲ 7,6	▲ 8,1
Chỉ số giá tiêu dùng bình quân <i>Average consumer price index</i>		▲ 4,05	▲ 1,00
Sản lượng lương thực có hạt <i>Production of cereals</i>		▼ 0,8	▲ 0,4
Chỉ số sản xuất công nghiệp <i>Industrial production index</i>		▲ 4,5	▲ 7,7
Tổng mức bán lẻ HH và DT DV tiêu dùng <i>Retail sales of goods and services</i>		▲ 4,1	▲ 10,9
Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa <i>Export of goods</i>		▼ 11,9	▲ 18,9
Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa <i>Import of goods</i>		▼ 7,3	▲ 22,7
Hành khách luân chuyển <i>Number of passengers traffic</i>		▼ 10,1	▲ 2,7
Hàng hóa luân chuyển <i>Volume of freight traffic</i>		▲ 3,0	▲ 8,5
Tỷ lệ tăng dân số <i>Population growth rate</i>		▲ 1,3	▲ 1,0